

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Nghiệm.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Trần Thanh D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông D vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, bà H trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 1993, bà H sống chung với ông D, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian sống chung bà H và ông D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; bà H và ông D đã ly thân, hiện nay không còn sống chung. Tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu ly hôn ông D.

Về con chung: Bà H với ông D có 02 con chung tên là Trần Thanh T, sinh ngày 15/7/1994 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 10/3/2004; đang sống chung với bà H. Bà H yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu T. Cháu T đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bà H không yêu cầu gì khác.

***\* Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Trần Thanh D vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.***

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà H. Cho bà H được ly hôn ông D.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà H. Giao cháu Trần Thị Kim T cho bà H trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nên xem xét, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Thanh D đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập dự phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử hợp lệ, đúng quy định của pháp luật, nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H và ông D theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 1993, bà H sống chung với ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống; bà H đã ly thân ông D, vợ chồng không còn quan T nhau. Xét tình cảm giữa bà H và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bà H yêu cầu ly hôn ông D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông D vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ ông D không còn quan T đến cuộc sống hôn nhân giữa ông với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử cho bà H ly hôn ông D.

- Về con chung: Bà H với ông D có 02 con chung tên là Trần Thanh T, sinh ngày 15/7/1994 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 10/3/2004; đang sống chung

với bà H. Bà H yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu T. Xét cháu T đang sống chung với bà H; đồng thời cháu T có nguyện vọng sống chung với bà H sau khi bà H ly hôn ông D. Do đó, bà H yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên giao cháu T cho bà H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; ông D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Cháu T đã thành niên; không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.  
- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.  
- Luật thi hành án dân sự.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trần Thanh D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim T, sinh ngày 10/3/2004 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Thanh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Cháu Trần Minh T, sinh ngày 15/7/1994 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0017380 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên bà H đã nộp xong án phí.

+ Ông D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H và ông D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trung Hiếu**